

Bản án số:30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Giáp Hồng Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991(có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh B.

* *Bị đơn:* Anh Dương Văn S, sinh năm 1991

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị và anh Dương Văn S kết hôn tháng 9 năm 2011, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh B được cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu nhà anh S, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 2 năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Tháng 3 năm 2020, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: chị và anh S không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị Đ vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2021 bị đơn anh Dương Văn S trình bày: Anh và chị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 12 năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh và chị Đ đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay chị Đ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: anh xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh S vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật vắng mặt trong các buổi mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh S có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Dương Văn S. Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S, có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị Đ, anh S vắng mặt nhưng chị Đ, anh S đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh S kết hôn tháng 12 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị Đ xác định không còn tình cảm với anh S và yêu cầu ly hôn. Tại bản tự khai anh S đồng ý ly hôn với chị Đ. Hội đồng xét xử thấy, chị Đ, anh S đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Đ ly hôn anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: chị Đ và anh S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị Đ, anh S không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Dương Văn S.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011254 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh